

**CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP SOIN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP SOIN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SOIN INDUSTRIAL COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2301200768

**3. Ngày thành lập:** 24/01/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Đường tỉnh lộ 286, Thôn Đông Xá, Xã Đông Phong, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0917630093

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                           | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                               | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                      | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                      | 4330        |
| 4.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                  | 4632        |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ được phẩm)                                                                                  | 4649        |
| 6.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                 | 4651        |
| 7.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                  | 4652        |
| 8.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                     | 4659(Chính) |
| 9.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                        | 4661        |
| 10. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                             | 4663        |
| 11. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299        |
| 12. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                           | 9511        |
| 13. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết : Hoạt động trang trí nội thất                                                           | 7410        |
| 14. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                              | 7710        |
| 15. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                   | 4690        |
| 16. | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng                                                                                             | 1104        |
| 17. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                             | 1622        |
| 18. | Đúc sắt, thép                                                                                                                       | 2431        |
| 19. | Đúc kim loại màu                                                                                                                    | 2432        |
| 20. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                      | 2511        |

Thời gian đăng từ ngày 24/01/2022 đến ngày 23/02/2022

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 21. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu                                                                                                             | 2599 |
| 22. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                              | 2610 |
| 23. | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                                                                          | 2710 |
| 24. | Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp                                                                                                                               | 2816 |
| 25. | Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén                                                                                                                   | 2818 |
| 26. | Sản xuất máy thông dụng khác                                                                                                                                            | 2819 |
| 27. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                          | 4933 |
| 28. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                 | 5630 |
| 29. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                       | 8129 |
| 30. | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                                                                                                  | 3311 |
| 31. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                              | 3312 |
| 32. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                  | 3314 |
| 33. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                  | 3319 |
| 34. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                 | 3320 |
| 35. | Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá                                                                                         | 3530 |
| 36. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                | 4221 |
| 37. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                     | 4222 |
| 38. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                   | 4321 |
| 39. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                  | 4741 |
| 40. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                               | 4742 |
| 41. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 42. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ dầu hỏa, ga, than nhiên liệu dùng cho gia đình                                             | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ GIANG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 03/10/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027188009554

Ngày cấp: 09/05/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thiểm Xuyên, Xã Thụy Hòa, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Đường tỉnh lộ 286, Thôn Đông Xá, Xã Đông Phong, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh